

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/DS-PT**

Ngày: 13-02-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/11, 25/12, 27/12/2019 và ngày 13/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị D**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Đắc K**, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Trần Minh Q; có mặt.

- Ông Trần Hữu T; có mặt tại phiên tòa các ngày 07/11 và 25/12/2019; vắng mặt tại phiên tòa các ngày 27/12/2019 và 13/02/2020 có đơn .

Đều là Luật sư của Công ty Luật T thuộc Đoàn Luật sư TP. Hà Nội.

3. Người làm chứng:

- Ông Bạch Công B, sinh năm: 1938; Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa các ngày 07/11 và 25/12/2019; vắng mặt tại phiên tòa các ngày 27/12/2019 và 13/02/2020.

- Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1935; Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa các ngày 07/11 và 25/12/2019; vắng mặt tại phiên tòa các ngày 27/12/2019 và 13/02/2020.

- Anh Quách Hồng Th; Địa chỉ: Cán bộ địa chính xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Do nhu cầu về đất ở, năm 1984 bà Bùi Thị D được Hợp tác xã (HTX) xóm C cấp cho một mảnh đất tại khu đồi M, thuộc địa phận xóm C, xã H, huyện K (nay là huyện L), tỉnh Hòa Bình. Người trực tiếp cắm đất cho bà D là ông Bạch Công B, khi đó là Chủ nhiệm HTX, đất được cấp là đất công của HTX trồng cây sớ. Vị trí của mảnh đất: phía Tây giáp đất ông Bùi Đắc K, phía Nam giáp đường đi có rặng tre của Hội phụ lão xóm C, phía Bắc và phía Đông là đất của HTX. Khi cắm đất cho bà D, ông K biết và chỉ ranh giới đất của nhà ông.

Năm 1990, bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa số 36; tờ bản đồ số 05; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; diện tích 662m². Tuy nhiên đã bị thất lạc không rõ nguyên nhân. Hàng năm, bà D đều nộp thuế cho Nhà nước đối với thửa đất này.

Năm 1991, bà D mua lại được một ngôi nhà bếp cấp 4 của đơn vị bộ đội đóng quân tại xóm C chuyển đi nơi khác, bà D đã chuyển về nơi ở mới, khi đó trên nền đất cũ vẫn còn có cây hoa màu bà D trồng. Sau khi bà D chuyển đi, ông Bùi Đắc K đã tự ý canh tác và sử dụng thửa đất của bà D. Bà D đã nhiều lần đến nói chuyện nhưng ông K không hợp tác. Sau này ông K đã cho san, ủi, chở đất đi để tạo mặt bằng trên đất phần của mình và của bà D. Ủy ban nhân dân xã H, huyện L đã hòa giải nhưng không đạt kết quả nên bà D đã làm đơn khởi kiện lên Tòa án.

Nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Đắc K di dời cây cối, hoa màu đã trồng, trả lại hiện trạng ban đầu trên phần đất lấn chiếm. Trả lại 662m² đất đã lấn chiếm cho bà Bùi Thị D.

Bị đơn ông Bùi Đắc K trình bày:

Về nguồn gốc đất, năm 1970 do có nhu cầu về đất ở, ông có đề nghị lên xóm để xin cấp đất thì được ông Quách Đình V khi đó là Chủ nhiệm HTX xóm C nói chỉ còn khu vực đồi M nên gia đình ông đã ra khu vực đồi M ở cho đến nay.

Bà Bùi Thị D do có mâu thuẫn với bố đẻ nên muốn ra ở riêng. Bà Bùi Thị Nh là chị gái của bà D đã đặt vấn đề để ông cho bà D ở nhờ trên đất của ông vì thời điểm đó bà D còn độc thân nên chưa đủ điều kiện cấp đất, HTX chỉ cấp cho người mới kết hôn có nhu cầu tách hộ.

Khi xã đo đạc để làm thủ tục cấp đất cho bà D, ông đã có ý kiến nhưng không được giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/12/2018 ông có yêu cầu phản tố yêu cầu bà D phải trả tiền công san lấp, cải tạo đất và đầu tư cây giống đã trồng trên đất. Tại phiên xét xử sơ thẩm, ông K đã rút toàn bộ các yêu cầu trên và giữ nguyên quan điểm không đồng ý trả lại đất cho bà Bùi Thị D.

Những người làm chứng trình bày:

- **Ông Bạch Công B trình bày:** Năm 1984, ông khi đây đang là Chủ nhiệm HTX xóm C, là người trực tiếp giao đất cho bà Bùi Thị D tại đồi M, đây là đất của HTX trồng cây sủ. Khi đó, nhà ông Bùi Đắc K ở phía trong trồng chè, giữa đất nhà ông K và đất cấp cho bà D có hàng rào bằng tre. Đất HTX giao cho bà D nằm ngoài hàng rào nhà ông K, đây không phải là đất của ông K. Sau khi được HTX cấp đất cho bà D thì bà D có nhờ anh em, họ hàng trong xóm đến san đất để tạo mặt bằng để dựng một ngôi nhà tạm bằng gỗ, tre. Khi đó, ông K không có ý kiến gì. Việc GCNQSDĐ của bà D bị thất lạc ông cũng không biết thất lạc từ đâu.

- **Ông Bùi Văn H trình bày:** Năm 1990 ông đang làm địa chính xã, lúc đó huyện K bắt đầu đo đạc để cấp đất, khi đo đạc ở xóm C thì ông không tham gia. Khi các hộ dân trong xóm C được cấp GCNQSDĐ thì ông giao cho chủ nhiệm HTX xóm C phát. Riêng GCNQSDĐ của bà Bùi Thị D bị thất lạc, bà D có báo với ông nhưng thất lạc ở đâu thì ông không biết. Sau đó ông có đến phòng hành chính huyện K kiểm tra thì bà D có được cấp GCNQSDĐ diện tích đất là 662m², được vào sổ, số bản đồ, có số seri trong GCNQSDĐ.

- **Ông Quách Hồng Th khai:** Ông là cán bộ địa chính xã H từ năm 2003, khi nhận công tác ông không được bàn giao tài liệu, hồ sơ từ những năm 1990 nên không có hồ sơ liên quan đến việc cấp đất cho bà Bùi Thị D, hiện chỉ có bản đồ địa chính. Tại sổ mục kê từ năm 2002, bà D được cấp đất năm 1990 theo tờ

bản đồ số 05, thửa đất số 36, diện tích đất 662m², tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015. Căn cứ các Điều 1, Điều 48, Điều 49 của Luật đất đai năm 1987; Điều 264, Điều 604, Điều 690 của Bộ luật dân sự năm 1995.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị D. Buộc ông Bùi Đắc K phải di dời cây cối, trả lại cho bà Bùi Thị D 662m² đất tại tờ bản đồ 05, thửa đất số 36, GCNQSDĐ số 03876, số seri 389123 (theo danh sách do Văn phòng quản lý đất đai huyện K cung cấp) tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Có vị trí theo kết quả đo đạc tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2019:

Điểm 1 là điểm mốc tính từ trụ cổng bên phải nhà ông K (theo hướng từ ngoài đường vào nhà);

Từ điểm 1 đến điểm 2 theo hướng Nam - Bắc có cạnh dài 31m;

Từ điểm 2 đến điểm 3 theo hướng Tây - Đông dài 18m;

Từ điểm 3 đến điểm 4 theo hướng Bắc - Nam dài 24m;

Từ điểm 4 đến điểm 5 theo hướng Đông - Tây dài 10m;

Từ điểm 5 đến điểm 6 theo hướng Nam - Bắc dài 1,7m;

Từ điểm 6 đến điểm 1 theo hướng Đông - Tây dài 22,5m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/7/2019, bị đơn ông Bùi Đắc K có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Bùi Đắc K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn bà Bùi Thị D giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Bùi Đắc K di dời cây cối, hoa màu đã trồng, trả lại diện tích 662m² đất đã lấn chiếm cho bà.

Người bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn trình bày: Việc thu thập tài liệu chứng cứ và xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người kháng cáo ông Bùi Đắc K trình bày: Nguồn gốc đất từ năm 1970 ông được chủ nhiệm HTX xóm C (ông V) phân cho đất tại đồi M để ở. Lúc đó còn là đất hoang, đất còn nhấp nhô, trũng, vũng thũng nhiều vô kể, sau khi được phân đất, gia đình ông đã cải tạo để sinh sống làm ăn. Năm 1985, ông cho bà D ở nhờ trên đất, đồng thời là họ hàng nên ông làm cho nhà bà D một ngôi nhà lá để ở. Năm 1990 ông H và ông A xuống đo đất cho bà D, ông đã có ý kiến phản đối, ông cho rằng đây là đất của gia đình ông, đồng thời ông không cho bà D ở đó nữa. Kể từ đó đến nay gia đình ông vẫn ở ổn định, không có tranh chấp với ai, năm 1991 được cấp GCNQSDĐ. Sau khi được cấp gia đình ông vẫn cải tạo san lấp thêm diện tích như mặt bằng hiện nay đang ở. Tại thời điểm đo đất ông đã làm đơn ra chính quyền địa phương để giải quyết, đồng thời ông lên đến huyện gặp lãnh đạo và được chỉ đạo về xã giải quyết. Đồng thời khi xã và huyện có chính sách cấp GCNQSDĐ của xóm C, thì ông có hỏi anh Tr (là cháu) khi đó làm ở huyện, là tại sao đất này ông được HTX giao và ông khai hoang phục hóa thêm, tại sao lại cấp cho bà D được. Khi đó anh Tr có nói ông yên tâm, cháu làm ở huyện nên cháu biết.

Nay ông thấy việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, các chứng cứ đưa ra không được xem xét cụ thể, biên bản nghị án và bản án cùng thời gian, chưa xem xét đến việc bà D có quyền được sử dụng đất hay không, có việc lấn chiếm không, diện tích như thế nào. Tại văn bản số 09/TTCNTT cung cấp thông tin dữ liệu (việc bàn giao tài liệu chưa chi tiết cụ thể về danh mục hồ sơ bàn giao, chỉ bàn giao về khối lượng không có danh sách chi tiết các hạng mục bàn giao, nên khi khai thác trên hệ thống lưu trữ không thấy có hồ sơ của bà Bùi Thị D (Bùi Thị Hồng D). Căn cứ Thông tư 1990 tổng cục địa chính; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về đất đai; Thông tư 24/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên môi trường, về hệ thống thông tin đất đai, không đưa Ủy ban nhân dân huyện vào tham gia tố tụng, bản án viết không theo mẫu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa ngày 13/02/2020, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn thay đổi luận cứ bảo vệ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Bạch Công B trình bày: Năm 1984 tại thời điểm đó ông đang là Chủ nhiệm HTX xóm C, là người trực tiếp giao đất cho bà Bùi Thị D tại đồi M. Khi đó, nhà ông Bùi Đắc K ở phía trong trồng chè, giữa đất nhà ông K và đất cấp cho bà D có hàng rào bằng tre. Đất HTX giao cho bà D nằm ngoài hàng rào nhà ông K, đây không phải là đất của ông K. Sau khi được HTX cấp đất cho bà D thì bà D có nhờ anh em, họ hàng trong xóm đến san đất để tạo mặt bằng để dựng một ngôi nhà tạm bằng gỗ, tre. Khi đó, ông K không có ý kiến gì. Việc GCNQSDĐ của bà D bị thất lạc ông cũng không biết thất lạc từ đâu. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc ông K trả lại đất cho bà D.

Ông Bùi Văn H trình bày: Năm 1990 ông đang làm địa chính xã, lúc đó huyện K bắt đầu đo đạc để cấp đất. Khi các hộ dân trong xóm C được cấp GCNQSDĐ thì ông giao cho chủ nhiệm HTX xóm C phát cho mọi người, riêng GCNQSDĐ của bà Bùi Thị D bị thất lạc, bà D có báo với ông biết nhưng việc thất lạc ở đâu thì ông không biết. Sau đó ông có đến phòng hành chính huyện K kiểm tra thì bà D có được cấp GCNQSDĐ diện tích đất là 662m², được vào sổ, sổ bản đồ, có số seri trong GCNQSDĐ. Đề nghị Tòa buộc ông K trả lại đất cho bà D.

Ông Quách Hồng Th trình bày: Ông là cán bộ địa chính xã H từ năm 2003, khi tiếp nhận ông không được bàn giao tài liệu, hồ sơ từ những năm 1990 nên không có hồ sơ liên quan đến việc cấp đất cho bà Bùi Thị D, hiện chỉ có bản đồ địa chính, được trích đo từ năm 1990. Qua theo dõi tại sổ mục kê từ năm 2002, bà D có tên trong danh sách được cấp đất năm 1990 theo tờ bản đồ số 05, thửa đất số 36 tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Từ khi được cấp đất bà D thực hiện đóng thuế đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định từ Điều 285 đến Điều 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Năm 1984, bà Bùi Thị D được HTX xóm C, xã H, L, Hòa Bình, cấp cho diện tích đất 662m², tại thửa 36, tờ bản đồ 05 tại đồi M, đây là

diện tích đất trồng cây sủ của HTX xóm C, chưa cấp cho ai. Thời điểm bà D được cấp đất thì chưa có ai ở, phía nhà ông K ở phía trong. Cuối năm 1991 đầu năm 1992 bà D mua lại một ngôi nhà bếp cũ của Công an vũ trang và bà ở từ đó đến nay. Năm 1991 các hộ dân ở xóm C được Ủy ban nhân dân huyện K, cấp GCNQSDĐ, trong đó có danh sách tên bà Bùi Thị D, số thửa, tờ bản đồ, số diện tích, số seri. Tuy nhiên quá trình cấp phát GCNQSDĐ của cán bộ địa phương do bị thất lạc, đến nay bà D vẫn chưa nhận được GCNQSDĐ.

Qua xác minh tại UBND xã H, thể hiện bà Bùi Thị D (Bùi Thị Hồng D) đã được cấp GCNQSDĐ. Trong danh sách các hộ được cấp GCNQSDĐ, theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của UBND huyện K, thì số vào sổ của bà D là 3876, số sổ 389123, diện tích 662m². Tuy nhiên quá trình cấp phát GCNQSDĐ cho bà D bị thất lạc. Trong suốt thời gian đó bà Bùi Thị D thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Đóng thuế sử dụng đất theo định kỳ hàng năm.

Kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên và môi trường (TN&MT) huyện K (cũ) thể hiện: Danh sách cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xóm C, xã H, huyện K (cũ) nay là huyện L, được lập theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của UBND huyện K. Việc thất lạc hoặc bàn giao GCNQSDĐ đến các hộ gia đình, cá nhân, phòng TN&MT không nắm bắt được. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu cơ quan Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình cung cấp tài liệu là Quyết định số 115/QĐ-UB và danh sách các hộ được cấp GCNQSDĐ. Ngày 20/11/2019, Trung tâm công nghệ thông tin – Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình cung cấp: Do trước đây công tác bàn giao tài liệu giữa Phòng tài nguyên và môi trường huyện L và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L chưa chi tiết, cụ thể về danh mục hồ sơ bàn giao (chỉ bàn giao về khối lượng, không có danh sách chi tiết các hạng mục bàn giao) do vậy Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã kiểm tra toàn bộ hồ sơ lưu trữ của xã H không có Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 16/8/1991 của UBND huyện K (nay là huyện L) tỉnh Hòa Bình, kèm danh sách các hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ tại xóm C, xã H, huyện K (nay là huyện L) tỉnh Hòa Bình.

Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản yêu cầu Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình, cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ của 24 hộ gia đình, cá nhân (Có danh sách kèm theo, trong đó có hộ bà Bùi Thị D, ông Bùi Đắc K). Kết quả trả lời xác minh của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình, thể hiện: Không có hồ sơ cấp GCNQSDĐ của 24 hộ gia đình, cá nhân, thuộc xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đắc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị D khởi kiện buộc ông Bùi Đắc K phải di dời cây cối, hoa màu trên đất, trả lại hiện trạng đất lấn chiếm. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể việc tạm ngừng phiên tòa không đúng với quy định tại Điều 259 BLTTDS, vấn đề này không ảnh hưởng đến nội dung và kết quả giải quyết vụ án. Cấp sơ thẩm cần nghiên cứu kỹ để vận dụng cho đúng và nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đắc K

Hội đồng xét xử xét: Theo trình bày của bị đơn thì nguồn gốc đất ông sử dụng từ năm 1970 ông được chủ nhiệm Hợp tác xã xóm C (ông V) phân cho đất tại đồi M để ở. Lúc đó đất còn nhấp nhô, trũng, vũng thũng nhiều vô kể, đất hoang, sau khi được phân đất gia đình ông đã cải tạo để sinh sống làm ăn. Năm 1985 ông cho bà D ở nhờ trên đất, đồng thời là họ hàng nên ông làm cho nhà bà D một ngôi nhà lá để ở bà Bùi Thị D là người ở nhờ trên đất nhà ông chứ không phải đất của bà D như bà D trình bày. Khi đo đạc, chính quyền địa phương đã không chế gia đình ông để tách một phần thửa đất của nhà ông cho bà D mà không được sự đồng ý của ông. Sau đó ông đã nhiều lần khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện K nhưng không được giải quyết. Từ năm 2014 ông san lấp, mức đất để lấy mặt bằng và trồng cây ăn quả (cây bưởi) cho đến nay. Ông không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét ngày 18 tháng 6 năm 1991 ông Bùi Đắc K được Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSDĐ, theo GCNQSDĐ thể hiện, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05, diện tích 2566m², vào sổ cấp GCNQSDĐ số 03876, số seri A 389124 (theo danh sách thì số cấp giấy là 03877). Thửa đất giáp ranh phía bên phải, trong

GCNQSDĐ là thửa số 36 (theo danh sách số cấp giấy là 03876; số seri là 389123 mang tên Bùi Thị Hồng D).

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/7/2019, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2018, cũng như kết quả đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày 17/9/2019 thể hiện: Thửa đất của bà Bùi Thị D (Bùi Thị Hồng D) được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ năm 1991, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05, diện tích 662m², vào sổ cấp GCNQSDĐ số 03876, số seri 389123.

Xét các lời khai của những người làm chứng: Ông Bạch Công B; ông Bùi Văn H, ông Quách Hồng Th:

Nguồn gốc đất của bà D được tách ra từ khu đất của Hợp tác xã xóm C trồng cây sớ. Theo lời khai của ông B, năm 1984 ông là Chủ nhiệm HTX xóm C, là người trực tiếp giao đất cho bà Bùi Thị D tại đồi M, diện tích 662m², đây là đất của HTX trồng cây sớ. Khi đó, nhà ông Bùi Đắc K ở phía trong trồng chè, giữa đất nhà ông K và đất cấp cho bà D có hàng rào bằng tre. Đất HTX giao cho bà D nằm ngoài hàng rào nhà ông K, đây không phải là đất của ông K, khi bà D đề nghị cấp đất thì đã được sự đồng ý của ban quản lý Hợp tác xã, khi cấp, thửa đất chưa được cấp cho ai, không hề có tranh chấp. Sau khi được Hợp tác xã cấp đất, bà D cùng một số người dân, trong đó có ông Đỗ Đình Ng, sinh năm 1960, trú tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình đã đào đất, san nền cho nhà bà D, khi đó, giữa nhà bà D và nhà ông K có ranh giới là hàng rào cọc tre, đây không phải là đất của ông K. Việc GCNQSDĐ của bà D bị thất lạc ông cũng không biết thất lạc từ đâu. Hàng năm bà Bùi Thị D đã nộp thuế.

Xét lời khai ông H, thời kỳ đó ông làm địa chính xã H, có tham gia đoàn đo đạc của UBND huyện K để cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong xã H, riêng xóm C có bà Bùi Thị D đã được đo đạc để cấp GCNQSDĐ thửa đất có diện tích 662m², số thửa 36, tờ bản đồ 05. Khi các hộ dân trong xóm C được cấp GCNQSDĐ thì ông giao cho Chủ nhiệm HTX xóm C phát. GCNQSDĐ của bà Bùi Thị D bị thất lạc, sau đó ông có đến Phòng hành chính huyện K kiểm tra thì bà D có tên được cấp GCNQSDĐ diện tích đất là 662m², được vào sổ, số bản đồ, có số seri trong GCNQSDĐ.

Xét lời khai của ông Th, là cán bộ địa chính xã H từ năm 2003, khi nhận công tác ông không được bàn giao tài liệu, hồ sơ từ những năm 1990 nên không có hồ sơ liên quan đến việc cấp đất cho bà Bùi Thị D, hiện chỉ có bản đồ địa chính. Theo bản đồ địa chính số 05, thể hiện thì thửa này có số 36, diện tích

662m², bản đồ này được đo đạc từ năm 1989, kể từ khi được xem xét cấp đất, bà D thường xuyên thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất đối với Nhà nước.

Ngoài ra các lời khai ông Quách Xuân Ph – nguyên trưởng thôn; ông Nguyễn Huy Q - trưởng thôn C đều xác nhận: Diện tích 662m² đất ở, số thửa 36, tờ bản đồ 05 bà D đã ở và nộp thuế đất hàng năm.

Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa, trong quá trình tố tụng đương sự đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ.

Ngày 18/11/2019 qua xác minh tại xã H, được biết, khi bàn giao giữa các cán bộ công chức địa chính trước đó không có Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của Ủy ban nhân dân huyện K, cấp đất cho các hộ dân trong xã. Hiện tại chỉ lưu giữ tờ bản đồ 05 Hợp tác xã xóm C, xã H. Danh sách các hộ dân được cấp viết tay ngày 18/6/1991 (Viết tay các chủ hộ đã được cấp). Trong đó thể hiện hộ bà Bùi Thị Hồng D, số sổ 03876; số sê ri 389123. Đồng thời đã tiến hành xem xét, đối chiếu và thu thập tài liệu là các giấy CNQSDĐ của một số hộ (07 hộ) đã được cấp theo Quyết định 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 kèm danh sách.

Qua xác minh tại Phòng TN&MT huyện K: Trưởng phòng tài nguyên cho biết từ ngày 01/10/2009 xã H được tách và sát nhập về huyện L, kể từ khi sát nhập UBND huyện K đã bàn giao các văn bản cho UBND huyện L. Hiện nay phòng tài nguyên và môi trường huyện K không còn lưu giữ Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991. Danh sách các hộ viết bằng tay do Văn phòng đăng ký đất đai và xã H cung cấp là danh sách do phòng địa chính huyện K (cũ) lập theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 18/6/1991 của UBND huyện K. Đây là danh sách các hộ đã được cấp GCNQSDĐ. Việc thất lạc bàn giao đến các hộ gia đình, cá nhân thì Phòng tài nguyên môi trường không nắm bắt được.

Ngày 21/11/2019 xác minh tại Phòng tài nguyên môi trường huyện L, Trưởng phòng cho biết: Hiện nay phòng không lưu giữ Quyết định 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của UBND huyện K, kèm theo danh sách các hộ, cá nhân tại xóm C, xã H, huyện K (nay là huyện L) đã được cấp GCNQSDĐ. Các hồ sơ tài liệu Phòng tài nguyên môi trường huyện L đã bàn giao cho cơ quan chuyên môn là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L lưu trữ quản lý theo quy định.

Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu cơ quan Trung tâm công nghệ thông tin cung cấp tài liệu là Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 và danh sách các hộ được cấp GCNQSDĐ. Ngày 20/11/2019 Trung tâm công nghệ thông tin – Sở

tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình cung cấp: Do trước đây công tác bàn giao tài liệu giữa Phòng tài nguyên và môi trường huyện L và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L chưa chi tiết, cụ thể về danh mục hồ sơ bàn giao (chỉ bàn giao về khối lượng, không có danh sách chi tiết các hạng mục bàn giao) do vậy Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã kiểm tra toàn bộ hồ sơ lưu trữ của xã H không có Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của UBND huyện K (nay là huyện L) tỉnh Hòa Bình, kèm danh sách các hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ tại xóm C, xã H, huyện K (nay là huyện L) tỉnh Hòa Bình.

Ngày 25/12/2019 Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản yêu cầu Trung tâm công nghệ thông tin - Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ của 24 cá nhân và hộ gia đình, tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có danh sách kèm theo), trong đó có cả hai hộ gia đình, ông Bùi Đắc K và bà Bùi Thị D.

Ngày 02/01/2020 Trung tâm công nghệ thông tin – Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình có văn bản số 02/TTCNTT-DL< cung cấp: Do trước đây công tác bàn giao tài liệu giữa Phòng tài nguyên và môi trường huyện L và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L chưa chi tiết, cụ thể về danh mục hồ sơ bàn giao (chỉ bàn giao về khối lượng không có danh sách chi tiết các hạng mục bàn giao) do vậy Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã kiểm tra toàn bộ hồ sơ tại tủ hồ sơ lưu trữ của xã H không có hồ sơ cấp GCNQSDĐ của 24 hộ gia đình, cá nhân tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập nêu trên, đồng thời xem xét lời khai của những người làm chứng thấy rằng hộ bà Bùi Thị D sử dụng đất hợp pháp, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên do qua quá trình bàn giao, các cơ quan có thẩm quyền không lưu giữ được QĐ 115/QĐ-UB, ngày 18/6/1991 của UBND huyện K, cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân xóm C, từ khi được cấp đất đến nay, hàng năm bà D vẫn thực hiện nghĩa vụ công dân với nhà nước đóng thuế đất đầy đủ, bà Bùi Thị D có tên trong tờ bản đồ 05. Thửa 36, diện tích 662m². Do vậy bà Bùi Thị D có đầy đủ quyền sử dụng diện tích đất 662m², thửa số 36, tờ bản đồ 05, diện tích 662m² tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình là đúng theo quy định của pháp luật.

Mặt khác theo lời khai của ông Bùi Đắc K, khi xã tiến hành đo đạc để xem xét cấp GCNQSDĐ ông đã phản đối và có nhiều đơn, văn bản đề nghị các cơ quan nhà nước và cấp có thẩm quyền giải quyết. Ông cho rằng ông đã nhiều lần

đề nghị UBND xã H và huyện K giải quyết dứt điểm việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông với bà Bùi Thị D. Tuy nhiên ông K không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời theo GCNQSDĐ số A389124, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 03876 ngày 18/6/1991 của UBND huyện K thì ông Bùi Đắc K được sử dụng 2566m² tại tờ bản đồ 05, số thửa 37 tại xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình, cạnh đó là thửa số 36, ông K không có văn bản giấy tờ nào chứng minh thửa đất số 36 là của mình. Do vậy, kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đắc K là không có cơ sở. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Giành quyền khởi kiện cho ông Bùi Đắc K về việc xem xét công sức đóng góp, tôn tạo, tu bổ làm tăng giá trị sử dụng đất, thửa 36, diện tích 662m², tờ bản đồ 05, xã H, mang tên trên tờ bản đồ bà Bùi Thị D khi có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị bác kháng cáo của bị đơn Bùi Đắc K là phù hợp.

Đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ xem xét trong quá trình nghị án.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, đưa ra là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đắc K. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Cụ thể: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1, Điều 48, Điều 49 của Luật đất đai năm 1987; Điều 264, Điều 604, Điều 690 của Bộ luật dân sự năm 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị D. Buộc ông Bùi Đắc K phải di dời cây cối, trả lại cho bà Bùi Thị D 662m² đất tại tờ bản đồ 05, thửa đất số 36, GCNQSDĐ số 03876, số seri 389123 (theo danh sách do Văn phòng quản lý

đất đai huyện K, và UBND xã H cung cấp) tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Có vị trí theo kết quả đo đạc tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2019:

Điểm 1 là điểm mốc tính từ trụ cổng bên phải nhà ông K (theo hướng từ ngoài đường vào nhà);

Từ điểm 1 đến điểm 2 theo hướng Nam - Bắc có cạnh dài 31m;

Từ điểm 2 đến điểm 3 theo hướng Tây - Đông dài 18m;

Từ điểm 3 đến điểm 4 theo hướng Bắc - Nam dài 24m;

Từ điểm 4 đến điểm 5 theo hướng Đông - Tây dài 10m;

Từ điểm 5 đến điểm 6 theo hướng Nam - Bắc dài 1,7m;

Từ điểm 6 đến điểm 1 theo hướng Đông - Tây dài 22,5m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Bùi Đắc K.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 13/02/2020.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện L, HB;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện L, HB;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng